

CTY CP DƯỢC THÚ Y CAILẬY CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc

Số: 07/2014/CV-CT

V/v: **kết quả thanh tra thuế**
Năm 2010, 2011, 2012

Tiền Giang, ngày 07 tháng 01 năm 2014

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: **Công ty cổ phần dược thú y Cai Lậy**
2. Mã chứng khoán: **MKV**
3. Địa chỉ trụ sở chính: **Khu 5, thị trấn Cai Lậy, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang**
4. Điện thoại: **073 3 820974** Fax: **073 3 826363**
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Trần Hoàng Sơn**
6. Nội dung của thông tin công bố: Căn cứ Biên bản công bố kết luận thanh tra của Đoàn thanh tra thuế của Cục Thuế tỉnh Tiền Giang ngày 06/01/2014 như sau:
Công ty cổ phần dược thú y Cai Lậy bị truy thu các khoản thuế năm 2010, năm 2011, năm 2012

- Thuế GTGT: 5.892.190 đồng
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: 1.003.240.171 đồng
- Thuế thu nhập cá nhân: 2.599.673 đồng
- Phạt vi phạm hành chính: 325.019.286 đồng

Công ty cũng có giải trình thêm về khoản truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp là do cơ quan thuế không tính khoản chi phí dự phòng công nợ phải thu khó đòi là chi phí hợp lệ do đối tượng trích dự phòng không đúng quy định

Các thông tin nêu trên được đăng tải trên www.mekovet.com.vn,
www.cailayvet.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng kính chào.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VPCT



Trần Hoàng Sơn

BIÊN BẢN CÔNG BỐ KẾT LUẬN THANH TRA

Căn cứ Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Khoản 2 Điều 39 Luật Thanh tra năm 2010;

Căn cứ Quyết định số 767/QĐ-CT ngày 16/5/2013 của Cục Thuế tỉnh Tiền Giang về việc thanh tra thuế tại trụ sở Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy;

Hôm nay, hồi 8 giờ, ngày 06 tháng 01 năm 2014.

Tại: Văn phòng Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy;

Địa chỉ: 560 quốc lộ 1A, thị trấn Cai Lậy, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Chúng tôi gồm:

I. Cục thuế tỉnh Tiền Giang:

- | | |
|------------------------|----------------------------|
| - Ông Lâm Văn Hùng | - Phó Cục trưởng Cục Thuế; |
| - Ông Ngô Mỹ Quan | - Trưởng đoàn; |
| - Ông Huỳnh Phước Dũng | - Phó trưởng đoàn; |
| - Ông Nguyễn Thanh Huy | - Thành viên; |
| - Ông Nguyễn Chí Giảng | - Thành viên; |
| - Bà Nguyễn Kim Ngân | - Thành viên; |

II. Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy- MST: 1200505472

- Ông Vũ Tiến Đạt.
- Chức vụ: Giám đốc.
- Ông Trần Hoàng Sơn.
- Chức vụ: Kế toán trưởng.

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy đã được nghe Đoàn thanh tra công bố toàn văn Kết luận số 506/QĐ-CT ngày 16 tháng 12 năm 2013 của Cục thuế tỉnh Tiền Giang.

Biên bản này gồm có 01 trang, được lập thành 03 bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau. 01 bản được giao cho doanh nghiệp.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký tên vào biên bản./.

CTY CP DƯỢC THÚ Y CAI LẬY

TRƯỞNG ĐOÀN



Ngô Mỹ Quan

Trần Hoàng Sơn

Vũ Tiến Đạt

KẾT LUẬN THANH TRA THUẾ
Tại Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy
MST: 1200505472

Đoàn thanh tra theo quyết định 767/QĐ-CT ngày 16/5/2013 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Tiền Giang về việc thanh tra thuế tại trụ sở Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy từ ngày 17/10/2013, ngày công bố quyết định đến ngày 06/12/2013.

Căn cứ Báo cáo đánh giá kết quả thanh tra ngày 12/12/2013 của Trưởng đoàn thanh tra thuế, Cục trưởng Cục Thuế kết luận như sau:

A. Đặc điểm, tình hình chung của người nộp thuế:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200505472, đăng ký lần 1 ngày 28/01/2003, thay đổi lần: 07 ngày 07/5/2013 do Sở Kế hoạch- Đầu tư Tiền Giang cấp.

- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.

- Hình thức hạch toán kế toán: Nhật ký chung.

- Niên độ kế toán: 01/01 - 31/12.

- Đăng ký kê khai nộp thuế tại: Cục Thuế tỉnh Tiền Giang.

- Hình thức kê khai nộp thuế Giá trị gia tăng: Tự khai tự nộp.

- Mục lục Ngân sách: cấp 2, chương 554, loại 070, khoản 084;

- Tài khoản số: 102010000279747 mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Tây Tiền Giang.

B. Kết quả thanh tra:

1. Tình hình chấp hành pháp luật kế toán:

Doanh nghiệp áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung theo quy định của Chế độ kế toán ban hành kèm theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

2. Tình hình chấp hành Chế độ quản lý, sử dụng hoá đơn:

Việc sử dụng, quản lý hoá đơn thực hiện theo quy định của Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về hoá đơn bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ.

3. Chấp hành việc kê khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế và các quy định khác của pháp luật thuế:

Năm 2010:

- Công ty xác định chi phí dự phòng không đúng quy định tại Điều 6 Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp

tại doanh nghiệp, do vậy khoản chi phí này không được trừ theo quy định tại điểm 2.16 khoản 2, Mục IV Phần C Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp, hành vi này làm giảm thu nhập chịu thuế TNDN 2.000.000.000 đồng.

- Tính chi phí khuyến mãi, quảng cáo, chiết khấu thanh toán không đúng quy định tại điểm 2.19 Mục IV phần C Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp, hành vi này làm giảm thu nhập chịu thuế TNDN 182.903.475 đồng.

Kết quả thanh tra 2010: số thuế phải nộp thêm: 436.580.695 đồng.

Năm 2011:

- Công ty không lập hóa đơn GTGT theo quy định tại điểm b Điều 14 Thông tư số 153/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010 của Bộ Tài Chính đối với hàng hóa dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT làm giảm số thuế GTGT phải nộp 133.727 đồng.

- Xác định chi phí dự phòng không đúng quy định tại điều 6 Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp, do vậy khoản chi phí này không được trừ theo quy định tại điểm 2.16 khoản 2, Mục IV Phần C Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp, hành vi này làm giảm thu nhập chịu thuế TNDN 1.926.151.837 đồng.

- Tính chi phí khuyến mãi, quảng cáo, chiết khấu thanh toán không đúng quy định tại điểm 2.19 Mục IV phần C Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp, hành vi này làm giảm thu nhập chịu thuế TNDN là 369.001.706 đồng.

- Doanh thu chịu thuế TNDN giảm 133.727 đồng do tính thuế GTGT đầu ra của thu nhập bán phế liệu.

- Về thuế TNCN, công ty thực hiện không đúng quy định về khấu trừ thuế, khai thuế, quyết toán thuế ở mục II phần D thông tư 84/2008/TT-BTC

ngày 30 tháng 09 năm 2008 làm giảm số thuế TNCN phải nộp năm 2011 là 2.599.673 đồng.

Kết quả thanh tra 2011: số thuế phải nộp thêm: 327.144.530 đồng

Năm 2012:

- Công ty chưa kê khai thuế GTGT các hóa đơn đầu ra vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 8 “Thời điểm xác định thuế GTGT” của Thông tư 06/2012/TT-BTC ngày 11/1/2012 Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế GTGT, hướng dẫn thi hành nghị định 123/2008/NĐ-CP ngày 08/12/2008 và Nghị định 121/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011 của Chính phủ làm giảm thuế GTGT: 5.758.463 đồng.

- Xác định chi phí dự phòng không đúng quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp, do vậy khoản chi phí này không được trừ theo quy định tại điểm 2.16 khoản 2, Mục IV Phần C Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp, hành vi này làm giảm thu nhập chịu thuế TNDN 2.537.357.556 đồng.

- Xác định chi phí được trừ không đúng quy định tại điểm 2.19, khoản 2, Điều 6 Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/7/2012 về Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12: Không được trừ phần chi vượt quá 10% tổng số chi được trừ, bao gồm: chi quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, hoa hồng môi giới; chi tiếp tân, khánh tiết, hội nghị; chi hỗ trợ tiếp thị, chi hỗ trợ chi phí, chiết khấu thanh toán; chi báo biểu, báo tặng của cơ quan báo chí liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh làm giảm thu nhập chịu thuế TNDN là: 1.284.237.040 đồng.

- Xác định chi phí được trừ không đúng quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/7/2012 về Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12, các khoản chi phí khác (tiền phạt vi phạm hành chính, chi phí chưa có hóa đơn chứng từ...), làm giảm thu nhập chịu thuế TNDN 90.886.558 đồng.

- Công ty đủ điều kiện được hưởng chính sách giảm 30% thuế TNDN phải nộp phát sinh năm 2012 theo Nghị quyết 29/2012/QH13.

Tuy nhiên, căn cứ quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 2 Nghị định 60/2012/NĐ-CP ngày 30/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội về ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân, đoàn thanh tra xác định khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động kinh doanh bất động sản như cho thuê nhà của công ty không được hưởng chính sách giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2012 của Chính phủ. Vì vậy, thu nhập từ hoạt động cho thuê nhà (số 26

Áp Bắc phường 5, tp Mỹ Tho) là: **55.454.012 đồng** (= doanh thu cho thuê nhà - chi phí khấu hao tương ứng = 77.727.272 - 22.273.260) không được hưởng chính sách giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2012 của Chính phủ.

Kết quả thanh tra 2012: số thuế phải nộp thêm: 242.248.346 đồng

4. Điều kiện ưu đãi, hình thức và mức ưu đãi giảm thuế Thu nhập doanh nghiệp:

Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN 20% trong thời gian 10 năm, tính từ năm 2003.

Đồng thời công ty được hưởng chính sách hỗ trợ giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của năm 2011 theo Nghị quyết 08/2011/NQ-CP và giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của năm 2012 theo Nghị quyết 29/2012/NQ-CP của Chính phủ về Ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân.

C. Các yêu cầu và kiến nghị:

1. Kiến nghị:

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 6; Điều 12 và điểm a, khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 13 Nghị định 98/2007/NĐ-CP ngày 07/6/2007 của chính phủ Quy định về xử lý vi phạm pháp luật về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế, trường đoàn thanh tra kiến nghị Cục trưởng Cục Thuế xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm pháp luật thuế được xác định là hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp như sau:

- Truy thu tiền thuế khai thiếu: 1.011.732.034 đồng.

Trong đó:

+ Thuế GTGT: 5.892.190 đồng

Trong đó:

. Năm 2011: 133.727 đồng

. Năm 2012: 5.758.463 đồng

+ Thuế TNDN: 1.003.240.171 đồng

Trong đó:

. Năm 2010: 436.580.695 đồng.

. Năm 2011: 324.411.130 đồng.

. Năm 2012: 242.248.346 đồng.

đồng.

+ Thuế TNCN năm 2011: 2.599.673 đồng

- Phạt 10% trên tổng số thuế bị truy thu: 101.173.203 đồng.

- Tiền chậm nộp tính trên số thuế truy thu: 223.846.083 đồng.

Cụ thể như sau:

+ Năm 2010:

Công ty được gia hạn nộp thuế TNDN 3 tháng theo Quyết định số 12/2010/QĐ-TTg ngày 12/02/2010 đến ngày 30/6/2011. Đồng thời căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 3 Thông tư số 83/2012/TT-BTC ngày 23/5/2012, công ty không bị tính tiền chậm nộp đối với số thuế phát hiện tăng thêm qua thanh tra trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/9/2012. Do đó:

. Tiền chậm nộp 0,05%/ngày tính từ ngày 01/7/2011 đến ngày 31/12/2011 và từ ngày 01/10/2012 đến ngày 28/9/2013:

$$436.580.695 \text{ đồng} \times 0,05\%/\text{ngày} \times 547 \text{ ngày} = 119.404.820 \text{ đồng}$$

. Tiền chậm nộp 0,07%/ngày tính từ ngày 29/9/2013 đến ngày 10/12/2013.

$$436.580.695 \text{ đồng} \times 0,07\% \times 73 \text{ ngày} = 22.309.274 \text{ đồng}$$

+ Năm 2011:

Đối với thuế GTGT tính tiền chậm nộp 0,05%/ngày từ ngày phát sinh số thuế phải nộp tăng thêm của kỳ kê khai tháng 3 năm 2011 là ngày 20/4/2011 đến ngày 28/9/2013 và 0,07%/ngày từ ngày 29/9/2013 đến ngày thông qua biên bản thanh tra thuế là ngày 10/12/2013.

$$133.727 \text{ đồng} \times 0,05\%/\text{ngày} \times 892 \text{ ngày} = 59.642 \text{ đồng}$$

$$133.727 \text{ đồng} \times 0,07\%/\text{ngày} \times 73 \text{ ngày} = 6.833 \text{ đồng}$$

Đối với thuế TNDN bị truy thu, công ty được gia hạn thời gian nộp thuế 01 năm theo Quyết định số 21/2011/QĐ-TTg ngày 06/4/2011 đến ngày 31/3/2013.

Vì vậy, công ty bị tính tiền chậm nộp 0,05%/ngày tính từ ngày 01/4/2013 đến ngày 28/9/2013 và 0,07%/ngày tính từ ngày 29/9/2013 đến ngày thông qua biên bản thanh tra thuế là ngày 10/12/2013

$$324.411.130 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 181 \text{ ngày} = 29.359.207 \text{ đồng}$$

$$324.411.130 \text{ đồng} \times 0,07\% \times 73 \text{ ngày} = 16.577.409 \text{ đồng}$$

Đối với thuế TNCN, công ty bị tính tiền chậm nộp 0,05%/ngày từ ngày 01/4/2012 đến ngày 28/9/2013 và tính 0,07%/ngày từ ngày 29/9/2013 đến ngày thông qua biên bản thanh tra thuế là ngày 10/12/2013

$$2.599.673 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 181 \text{ ngày} = 235.270 \text{ đồng}$$

$$2.599.673 \text{ đồng} \times 0,07\% \times 73 \text{ ngày} = 132.843 \text{ đồng}$$

+ Năm 2012:

. Đối với thuế GTGT bị truy thu tính tiền chậm nộp từng hóa đơn phát sinh đến kỳ kê khai phát sinh thuế phải nộp đến ngày thông qua biên bản thanh tra thuế.

Cụ thể như sau:

+ Thuế GTGT 1.909.091 đồng của hóa đơn số 2472 ngày 03/4/2012, tiền chậm nộp 0,05%/ngày từ ngày 20/5/2012 đến ngày 28/9/2013 và 0,07%/ngày từ ngày 29/9/2013 đến ngày thông qua biên bản thanh tra thuế là ngày 10/12/2013

$$1.909.091 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 496 \text{ ngày} = 473.455 \text{ đồng}$$

$1.909.091 \text{ đồng} \times 0,07\% \times 73 \text{ ngày} = 97.555 \text{ đồng}$
+ Thuế GTGT 31.190 đồng của hóa đơn số 3153 ngày 21/5/2012, tiền chậm nộp 0,05%/ngày từ ngày 20/6/2012 đến ngày 28/9/2013 và tính 0,07%/ngày từ ngày 29/9/2013 đến ngày thông qua biên bản thanh tra thuế là ngày 10/12/2013

$31.190 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 465 \text{ ngày} = 7.252 \text{ đồng}$

$31.190 \text{ đồng} \times 0,07\% \times 73 \text{ ngày} = 1.594 \text{ đồng}$

+ Thuế GTGT 1.909.091 đồng của hóa đơn số 3759 ngày 11/6/2012, tiền chậm nộp 0,05%/ngày từ ngày 20/9/2012 đến ngày 28/9/2013 và tính 0,07%/ngày từ ngày 29/9/2013 đến ngày thông qua biên bản thanh tra thuế là ngày 10/12/2013

$1.909.091 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 373 \text{ ngày} = 356.045 \text{ đồng}$

$1.909.091 \text{ đồng} \times 0,07\% \times 73 \text{ ngày} = 97.555 \text{ đồng}$

+ Thuế GTGT 1.909.091 đồng của hóa đơn số 4633 ngày 13/9/2012, tiền chậm nộp từ ngày 20/10/2012 đến ngày 28/9/2013 và tính 0,07%/ngày từ ngày 29/9/2013 đến ngày thông qua biên bản thanh tra thuế là ngày 10/12/2013

$1.909.091 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 343 \text{ ngày} = 327.409 \text{ đồng}$

$1.909.091 \text{ đồng} \times 0,07\% \times 73 \text{ ngày} = 97.555 \text{ đồng}$

. Đối với thuế TNDN bị truy thu, công ty bị tính tiền chậm nộp từ ngày 01/4/2013 đến ngày 28/9/2013 và 0,07%/ngày từ ngày 29/9/2013 đến ngày thông qua biên bản thanh tra thuế là ngày 10/12/2013.

$242.248.346 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 181 \text{ ngày} = 21.923.475 \text{ đồng}$

$242.248.346 \text{ đồng} \times 0,07\% \times 73 \text{ ngày} = 12.378.890 \text{ đồng}$

2. Các yêu cầu:

- Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy nộp đầy đủ, kịp thời số thuế phải nộp vào Ngân sách nhà nước theo đúng quy định của pháp luật về thuế.

- Các phòng có liên quan tiếp tục hướng dẫn, đôn đốc doanh nghiệp thực hiện đúng quy định của pháp luật về thuế.

Nơi nhận:

- Cty CP Dược Thú y Cai Lậy ; (TT)
- Phòng Kiểm tra thuế số 1; (TT)
- Phòng KK-KTT; (TT)
- Lưu: VT, TTTR. (5b)



Lâm Văn Hùng